

Số: 181 /KH-UBND

Phú Riềng, ngày 09 tháng 6 năm 2022

KẾ HOẠCH

**Triển khai chiến dịch cao điểm 92 ngày đêm
“Nâng cao hiệu quả cung cấp, sử dụng dịch vụ công trực tuyến;
Đẩy mạnh chuyển đổi số để phát triển Chính quyền số”
Từ ngày 01/6/2022 đến ngày 31/8/2022 trên địa bàn huyện**

Căn cứ Kế hoạch số 170/KH-UBND ngày 01/6/2022 của UBND tỉnh về việc triển khai chiến dịch cao điểm 92 ngày đêm “Nâng cao hiệu quả cung cấp, sử dụng dịch vụ công trực tuyến; Đẩy mạnh chuyển đổi số để phát triển Chính quyền số” Từ ngày 01/6/2022 đến ngày 31/8/2022.

Ủy ban nhân dân huyện ban hành Kế hoạch thực hiện cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Cụ thể hóa việc triển khai thực hiện cải cách thủ tục hành chính theo chỉ đạo của UBND tỉnh, đảm bảo hoàn thành chỉ tiêu được giao về cải cách thủ tục hành chính trên địa bàn huyện trước ngày 31/8/2022.

Giao chỉ tiêu dịch vụ công phát sinh hồ sơ trực tuyến và tỷ lệ hồ sơ xử lý trực tuyến phải đạt 100% tới từng phòng chuyên môn thuộc UBND huyện, các đơn vị ngành dọc (Công an huyện, Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện, Chi cục thuế khu vực Phước Long – Bù Gia Mập – Phú Riềng) và UBND các xã. Đảm bảo hoàn thành chỉ tiêu chuyển đổi số trên địa bàn huyện đã được UBND tỉnh giao.

2. Yêu cầu

Phân công rõ nhiệm vụ, rõ trách nhiệm, rõ thời gian; triển khai đồng bộ, hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp để đạt được các mục tiêu nhanh chóng, hiệu quả, tiết kiệm.

Thủ trưởng các phòng, ban, ngành huyện, Chủ tịch UBND các xã, các cơ quan, đơn vị liên quan phải nêu cao tinh thần trách nhiệm, xác định việc thực hiện các giải pháp để nâng cao hiệu quả cung cấp và sử dụng dịch vụ công trực tuyến (DVCTT) là một nhiệm vụ cấp bách và ưu tiên hàng đầu, có yếu tố quyết định cho công cuộc chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh nói chung, trên địa bàn huyện nói riêng.

II. Hiện trạng dịch vụ công trực tuyến

Toàn huyện hiện có 362 dịch vụ công (DVC). Trong đó:

- Dịch vụ công cấp huyện là 259 DVC (mức độ 1: 10 DVC, mức độ 2: 18 DVC, mức độ 3: 47 DVC, mức độ 4: 184 DVC), trong đó có 97 dịch vụ công liên thông các cấp.

- Dịch vụ công cấp xã là 103 DVC (mức độ 1: 09 DVC; mức độ 2: 06 DVC; mức độ 3: 31 DVC; mức độ 4: 57 DVC). Trong đó có 53 DVC liên thông các cấp.

1. Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến có phát sinh hồ sơ:

Trong kỳ báo cáo từ ngày 15/12/2021 đến ngày 15/5/2022: Tổng số DVC mức 3,4 toàn huyện là: 319, Trong đó, số DVC mức 3,4 có phát sinh hồ sơ là 25. Như vậy, tỷ lệ DVC phát sinh hồ sơ trực tuyến toàn huyện là **7,84%** (Tỷ lệ DVC phát sinh hồ sơ = Số DVC trực tuyến mức 3,4 có phát sinh hồ sơ/Tổng số DVC trực tuyến mức 3,4).

(Có phụ lục I kèm theo)

Nhận xét: Tỷ lệ DVC phát sinh hồ sơ là **7,84%** thấp hơn so với bình quân chung của toàn tỉnh (**27,2%**). Nguyên nhân chủ yếu do các UBND các xã chưa nhập đầy đủ hồ sơ thủ tục hành chính vào phần mềm Cổng dịch vụ công hoặc một số DVC cung cấp mà người dân, doanh nghiệp không có nhu cầu trong kỳ báo cáo.

2. Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính xử lý trực tuyến:

Từ ngày 15/12/2021 – 14/3/2022, theo thống kê từ Cổng DVC của tỉnh, tổng số hồ sơ tiếp nhận mới (cả trực tuyến và không trực tuyến) là **8.836** hồ sơ. Trong đó, số hồ sơ của các DVC tiếp nhận trực tuyến là **1.192** hồ sơ, tiếp nhận trực tiếp **6.627** hồ sơ, số hồ sơ trễ hạn **48** hồ sơ. Như vậy, tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính xử lý trực tuyến là **13,5%** (Tỷ lệ = Số hồ sơ DVC trực tuyến/Tổng số hồ sơ DVC).

(Có phụ lục II kèm theo)

Nhận xét: Tỷ lệ DVC phát sinh hồ sơ thủ tục hành chính xử lý trực tuyến là **13,5%** thấp hơn so với bình quân chung của toàn tỉnh (**21,62%**). Nguyên nhân chủ yếu do các UBND các xã chưa nhập đầy đủ hồ sơ thủ tục hành chính vào phần mềm Cổng dịch vụ công. Qua đối chiếu, so sánh dữ liệu nhập trên hệ thống báo cáo: baocaochinhphu.gov.vn và hệ thống: dichvucong.binhphuoc.gov.vn có sự chênh lệch 6.780 hồ sơ.

(Có phụ lục III kèm theo)

3. Tỷ lệ báo cáo của các phòng, ban ngành huyện và UBND các xã

3.1 Hệ thống báo cáo Quốc gia GRIS, định kỳ hàng quý/năm:

Văn phòng Chính phủ giao 3 biểu mẫu báo cáo Quý I/2022 cho các phòng chuyên môn thuộc UBND huyện và UBND các xã. Trong đó:

- Mẫu II.01b/VPCP/KSTT: 10/10 đơn vị cấp xã nhập liệu báo cáo.
- Mẫu II.05a/VPCP/KSTT: 20/20 đơn vị là các phòng chuyên môn thuộc huyện và UBND các xã nhập liệu báo cáo.
- Mẫu II.06/VPCP/KSTT: 20/20 đơn vị là các phòng chuyên môn thuộc huyện và UBND các xã nhập liệu báo cáo.

3.2 Hệ thống báo cáo LRIS của tỉnh, định kỳ hàng tháng:

UBND huyện đã chỉ đạo Văn phòng HĐND và UBND huyện chủ trì, phối hợp với các phòng, ban, ngành huyện xây dựng biểu mẫu báo cáo trên hệ thống. Đến thời điểm hiện tại dữ liệu kinh tế - xã hội năm 2021 đã nhập xong, đồng thời triển khai tập huấn cho các phòng, ban, ngành huyện nhập số liệu định kỳ hàng tháng năm 2022 lên hệ thống.

III. MỤC TIÊU

Đến ngày 02/9/2022, toàn huyện phải đạt:

1. Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến phát sinh hồ sơ đạt 80% trở lên.

2. Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính xử lý trực tuyến đạt 50% trở lên.
3. Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính đạt 100% tại Bộ phận một cửa cấp huyện.
4. Tỷ lệ báo cáo của các cơ quan hành chính nhà nước được thực hiện trực tuyến đạt 100%.
5. Giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính
 - 100% hồ sơ, thủ tục hành chính được giải quyết đúng hạn, không để hồ sơ chuyển qua trạng thái Trễ hạn.
 - Nếu có phát sinh hồ sơ trễ hạn thì phải có văn bản xin lỗi (phải gửi văn bản xin lỗi trước thời điểm hết hạn giải quyết ít nhất 01 ngày, đồng thời có thời hạn giải quyết trong văn bản xin lỗi).

IV. NỘI DUNG THỰC HIỆN

1. Cập nhật đầy đủ các DVC phát sinh lên Cổng Dịch vụ công của tỉnh, tuyệt đối không được xử lý hồ sơ giấy mà không cập nhật vào Cổng Dịch vụ công của tỉnh.

Đơn vị thực hiện: Các phòng, ban, ngành huyện; Bộ phận một cửa huyện và UBND các xã.

Thời gian thực hiện: Đến 31/8/2022.

2. Rà soát, tập trung phấn đấu đạt và vượt chỉ tiêu tỷ lệ DVCTT phát sinh hồ sơ trực tuyến và tỷ lệ hồ sơ xử lý trực tuyến.

- Rà soát, xác định các DVC đang phát sinh hồ sơ giấy, tổ chức triển khai thực hiện tiếp nhận trực tuyến đối với các dịch vụ công đã cung cấp ở mức 3, 4.

- Tập trung thực hiện việc tiếp nhận và xử lý hồ sơ trực tuyến, đảm bảo 100% hồ sơ xử lý trực tuyến đối với các dịch vụ công mức 3, 4.

Đơn vị thực hiện: Các phòng, ban, ngành huyện; Bộ phận một cửa cấp huyện và UBND các xã.

Thời gian thực hiện: Từ 07/6/2022.

3. Quán triệt, theo dõi và kiểm soát thường xuyên việc giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính của đội ngũ cán bộ, công chức, đảm bảo chất lượng, tiến độ, **không để hồ sơ chuyển qua trạng thái quá hạn**. Trường hợp trễ hạn phải có văn bản xin lỗi (*Văn bản xin lỗi phải có thời hạn giải quyết*) và kịp thời xử lý theo đúng chỉ đạo của UBND tỉnh tại Công văn số 3591/UBND-NC ngày 24/10/2017 về việc chấn chỉnh việc thực hiện xin lỗi cá nhân, tổ chức khi để hồ sơ, TTHC quá hạn giải quyết. Tuyệt đối không để xảy ra trường hợp gia hạn hồ sơ không có lý do chính đáng; nghiêm cấm tình trạng bấm “Kết thúc” khi trên thực tế hồ sơ vẫn còn trong tình trạng “Đang xử lý”;

Đơn vị thực hiện: Các phòng, ban, ngành huyện; Bộ phận một cửa cấp huyện và UBND các xã.

Thời gian triển khai: Từ tháng 07/6/2022

4. Thí điểm chỉ tiếp nhận hồ sơ trực tuyến đối với một số loại hình DVCTT tương ứng với một số đối tượng người dân sử dụng phù hợp, khả thi trong tiếp cận, thực hiện dịch vụ. (tập trung triển khai trước đối với 25 DVC trong danh mục các

TTHC thiết yếu ưu tiên tích hợp, chia sẻ dữ liệu dân cư theo Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ).

Giao Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả huyện phối hợp triển khai khi có yêu cầu.

5. Triển khai các Tổ công nghệ số cộng đồng theo Văn bản số 793/BTTTT-THH ngày 05/3/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông, Văn bản số 1231/UBND-KGVX ngày 28/5/2022 của UBND tỉnh để tuyên truyền, hướng dẫn, hỗ trợ người dân thực hiện chuyển đổi số, trong đó có hướng dẫn, hỗ trợ người dân sử dụng DVCTT.

Cơ quan chủ trì: Phòng Văn hóa và Thông tin; UBND các xã

Thời gian hoàn thành: Trước ngày 28/6/2022 Phòng Văn hóa và Thông tin tổng hợp kết quả triển khai gửi về Sở Thông tin và Truyền thông tổng hợp báo cáo UBND tỉnh.

6. Triển khai hoàn thiện hệ thống báo cáo GRIS, LRIS

- Đối với hệ thống báo cáo GRIS của Chính phủ: 100% các phòng chuyên môn thuộc UBND huyện, UBND các xã tiếp tục thực hiện nhập liệu hệ thống báo cáo các mẫu II.01b, II.05a, II.06 của Văn phòng Chính phủ.

Yêu cầu UBND các xã tiếp tục phát huy, nhập liệu báo cáo theo đúng thời gian quy định.

- Đối với Hệ thống báo cáo LRIS của tỉnh: Giao Văn phòng HĐND và UBND huyện triển khai thực hiện nhập liệu báo cáo định kỳ năm 2022 đúng thời gian quy định.

7. Triển khai thanh toán trực tuyến đối với dịch vụ công trên địa bàn huyện.

Giao Văn phòng HĐND và UBND huyện phối hợp triển khai.

Thời gian thực hiện: Trước 20/7/2022.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Văn phòng HĐND và UBND huyện.

- Chủ trì tổ chức triển khai, hướng dẫn, đôn đốc, theo dõi, kiểm tra và báo cáo tình hình triển khai Kế hoạch này.

- Chịu trách nhiệm triển khai các nội dung rà soát DVC thuộc thẩm quyền tiếp nhận, xử lý của Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả huyện.

- Triển khai quy trình tiếp nhận và giải quyết TTHC đối với các phòng chuyên môn thuộc UBND huyện chưa thực hiện tiếp nhận tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả huyện.

- Chỉ đạo công chức tại đơn vị cập nhật lại các bộ thủ tục hành chính do UBND tỉnh ban hành, thực hiện xử lý quy trình thủ tục hành chính trên Cổng dịch vụ công kịp thời, không được chậm trễ. Đối với các thủ tục hành chính của các đơn vị trình ký nếu không nhập trên hệ thống phải kiên quyết trả về và tham mưu UBND huyện văn bản đề nghị đơn vị đó giải trình.

- Triển khai thí điểm chỉ tiếp nhận hồ sơ trực tuyến đối với một số loại hình DVCTT tương ứng với một số đối tượng người dân sử dụng phù hợp, khả thi trong tiếp cận, thực hiện dịch vụ.

- Phối hợp triển khai thanh toán trực tuyến đối với dịch vụ công trên địa bàn huyện.

2. Phòng Văn hóa và Thông tin.

- Chịu trách nhiệm tham mưu UBND huyện thành lập Tổ công nghệ thông tin huyện, hướng dẫn UBND các xã triển khai các Tổ công nghệ số cộng đồng, thường xuyên đôn đốc UBND các xã để hoàn thành nhiệm vụ theo đúng tiến độ.

- Tham mưu UBND huyện triển khai các nội dung đã được giao tại Kế hoạch số 77/KH-UBND ngày 07/4/2022 về việc Chuyển đổi số trên địa bàn huyện năm 2022.

3. Các phòng, ban, ngành huyện

- Quán triệt công chức thực hiện quy trình tiếp nhận hồ sơ, xử lý hồ sơ trên Cổng dịch vụ công của tỉnh kịp thời, tuyệt đối không được xử lý hồ sơ giấy mà không cập nhật vào Cổng Dịch vụ công của tỉnh và không để trễ hạn.

- Lồng ghép nội dung triển khai chiến dịch cao điểm 92 ngày đêm “Nâng cao hiệu quả cung cấp, sử dụng dịch vụ công trực tuyến; Đẩy mạnh chuyển đổi số để phát triển Chính quyền số” và các chương trình chuyển đổi số đã được UBND huyện phê duyệt tại Kế hoạch số 77/KH-UBND ngày 07/4/2022 về việc Chuyển đổi số trên địa bàn huyện năm 2022 để thực hiện đồng bộ, tiết kiệm và đạt hiệu quả cao.

4. Công an huyện

Chủ trì, phối hợp với các phòng, ban, ngành huyện và UBND các xã triển khai thực hiện đề án 06/CP đã được UBND huyện ban hành tại Kế hoạch số 72/KH-UBND ngày 07/4/2022 về việc triển khai thực hiện đề án phát triển ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số Quốc gia giai đoạn 2022 -2025, tầm nhìn 2030 trên địa bàn huyện.

5. Đề nghị Huyện đoàn

- Chỉ đạo các Đoàn xã tham gia Tổ công nghệ số cộng đồng theo Công văn số 1231/UBND-KGVX ngày 28/5/2022 của UBND tỉnh về triển khai Tổ công nghệ số cộng đồng trên địa bàn tỉnh.

- Cử đoàn viên thanh niên tham gia hướng dẫn, tuyên truyền người dân tạo tài khoản và nộp hồ sơ trên Cổng dịch vụ công của tỉnh tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện, cấp xã theo Kế hoạch số 26-KH/TĐTN-TG-TTNTTH ngày 29/5/2020 của Ban Chấp hành Đoàn tỉnh Bình Phước về triển khai Quyết định của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án “Phát huy vai trò của thanh niên trong công tác tuyên truyền, vận động, hướng dẫn dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 cho người dân, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2020 - 2025”.

5. Phòng Nội vụ - Lao động, Thương binh và Xã hội

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan đưa nội dung này vào chấm điểm Chỉ số cải cách hành chính của các cơ quan, đơn vị và địa phương; đánh giá trách nhiệm người đứng đầu năm 2022 theo hướng tập trung vào các nhiệm vụ Nâng cao hiệu quả cung cấp, sử dụng dịch vụ công trực tuyến; đẩy mạnh chuyển đổi trên địa bàn huyện.

- Tham mưu UBND huyện triển khai Kế hoạch số 162/KH-UBND ngày 26/5/2022 của UBND tỉnh về việc phát động phong trào thi đua “Chuyển đổi số giai đoạn 2022 - 2025” trên địa bàn huyện. Thời gian thực hiện trước 30/6/2022.

6. UBND các xã

- Tổ chức quán triệt bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cập nhật đầy đủ các DVC phát sinh lên Cổng Dịch vụ công của tỉnh, tuyệt đối không được xử lý hồ sơ giấy mà không cập nhật vào Cổng Dịch vụ công của tỉnh.

- Tổ chức triển khai thực hiện tiếp nhận trực tuyến đối với các dịch vụ công đã cung cấp ở mức 3, 4, có phương án bố trí lực lượng hỗ trợ người dân trong việc nộp hồ sơ trực tuyến.

- Tập trung thực hiện việc tiếp nhận và xử lý hồ sơ trực tuyến, đảm bảo 100% hồ sơ xử lý trực tuyến đối với các dịch vụ công mức 3, 4.

- Thực hiện nghiêm việc xin lỗi cá nhân, tổ chức khi để hồ sơ, TTHC quá hạn giải quyết.

- Khẩn trương triển khai các Tổ công nghệ số cộng đồng, đảm bảo thời gian và báo cáo về phòng Văn hóa và Thông tin tổng hợp trước ngày 27/6/2022.

Trong quá trình triển khai, nếu có khó khăn, vướng mắc các đơn vị chủ động báo cáo về UBND huyện để kịp thời giải quyết.

Trên đây là Kế hoạch Triển khai chiến dịch cao điểm 92 ngày đêm “Nâng cao hiệu quả cung cấp, sử dụng dịch vụ công trực tuyến; Đẩy mạnh chuyển đổi số để phát triển Chính quyền số” từ ngày 01/6/2022 đến ngày 31/8/2022. Chủ tịch UBND huyện yêu cầu Thủ trưởng các phòng, ban liên quan, Chủ tịch UBND các xã nêu cao tinh thần trách nhiệm trong chỉ đạo, triển khai thực hiện, đảm bảo tiến độ, chất lượng công việc được giao./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (b/c);
- TTTU, TTHĐND huyện;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Các phòng, ban, ngành huyện;
- UBND các xã;
- LĐVP;
- Lưu: VT.



CHỦ TỊCH



Lê Anh Nam

NG T B M

PHỤ LỤC I
DỊCH VỤ CÔNG, DỊCH VỤ CÔNG PHÁT SINH HỒ SƠ
TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN PHÚ RIỀNG TỪ 15/12/2021 – 15/5/2022

STT	Tên Dịch vụ công	Tiếp nhận		Mức DVC	Số lượng hồ sơ phát sinh
		Thực tuyến	Thực tiếp		
A	CẤP HUYỆN				
1	Lĩnh vực Tư pháp – Hộ tịch				
1.1	Đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài	x		3	4
1.2	Thay đổi hộ tịch	x		3	2
1.3	Cải chính hộ tịch	x		3	85
2	Lĩnh vực Tài nguyên và Môi trường				
2.1	Giao đất, cho thuê đất cho hộ gia đình, cá nhân; giao đất cho cộng đồng dân cư đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất		x		391
2.2	Chuyển mục đích sử dụng đất phải được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với hộ gia đình, cá nhân		x	2	262
2.3	Đăng ký xác nhận lại Kế hoạch bảo vệ môi trường	x		4	2
3	Lĩnh vực Kinh tế - Hạ tầng				
3.1	Cấp giấy phép xây dựng đối với công trình, nhà ở riêng lẻ xây dựng trong đô thị, trung tâm cụm xã, trong khu bảo tồn, khu di tích lịch sử- văn hóa thuộc địa bàn quản lý, trừ các công trình thuộc thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng của cấp trung ương, cấp tỉnh.	x		4	15
4	Lĩnh vực Tài chính – Kế hoạch				
4.1	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh	x		4	747
4.2	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh của hộ kinh doanh	x		4	66
4.3	Chấm dứt hoạt động của hộ kinh doanh	x		4	18
4.4	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh	x		4	12
5	Lĩnh vực Lao động, Thương binh và Xã hội			4	
5.1	Di chuyển hồ sơ người có công với cách mạng (đi)		x	4	2
6	Lĩnh vực Nội vụ			4	
6.1	Tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện về thành tích đột xuất	x		4	1
7	Lĩnh vực ngành Công an				
7.1	Cấp mới giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự (thực hiện tại cấp huyện)		x	2	5
B	UBND các xã				
I	UBND xã Long Bình				
1	Lĩnh vực Tư pháp – Hộ tịch				
1.1	Đăng ký khai sinh	x		4	1
1.2	Đăng ký kết hôn	x		4	1
1.3	Cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	x		4	3
2	Lĩnh vực Lao động, Thương binh và Xã hội			4	
2.1	Hưởng mai táng phí, trợ cấp một lần khi người có công với cách mạng từ trần			4	10

2.2	Thực hiện chế độ ưu đãi trong giáo dục đào tạo đối với người có công với cách mạng và con của họ			4	1
2.3	Thực hiện, điều chỉnh, thôi, hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng			4	1
2.4	Trợ cấp mai táng phí đối với đối tượng thân nhân người trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước nhưng chưa được hưởng chính sách của Đảng, nhà nước theo Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg ngày 08/11/2005, Quyết định số 188/2007/QĐ-TTg ngày 06/12/2007 - Trường hợp chưa có giấy chứng tử			4	15
2.5	Hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội			4	2
II UBND xã Long Hưng					
1 Lĩnh vực Tư pháp – Hộ tịch					
1.1	Cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	x		4	28
1.2	Đăng ký lại kết hôn	x		4	1
1.3	Đăng ký khai sinh	x		4	8
1.4	Đăng ký khai tử	x		4	1
1.5	Cấp bản sao trích lục hộ tịch	x		4	15
1.6	Đăng ký kết hôn	x		4	3
1.7	Đăng ký khai sinh kết hợp nhận cha, mẹ, con	x		4	1
1.8	Đăng ký lại kết hôn	x		4	1
1.9	Đăng ký khai sinh	x		4	8
2	Lĩnh vực Lao động, Thương binh và Xã hội	x			1
2.1	Xác nhận hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2016-2020 thuộc diện đối tượng được ngân sách nhà nước hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế.	x		4	5
2.2	Hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội	x		4	1
2.3	Giải quyết chế độ trợ cấp thờ cúng liệt sĩ	x		4	25
III UBND xã Long Hà					
1 Lĩnh vực Tư pháp – Hộ tịch					
1.1	Cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	x		4	2
1.2	Đăng ký lại kết hôn	x		4	1
1.3	Đăng ký khai sinh	x		4	3
1.4	Đăng ký khai tử	x		4	3
1.5	Đăng ký kết hôn	x		4	2
2	Lĩnh vực Lao động, Thương binh và Xã hội				
2.1	Hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội	x		4	10
2.2	Thực hiện trợ cấp xã hội hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú giữa các quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh.	x		4	1
2.3	Thực hiện, điều chỉnh, thôi, hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng	x		4	34
IV UBND xã Long Tân					
1	Lĩnh vực Lao động, Thương binh và Xã hội	x		4	9
1.1	Hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội	x		4	2
1.2	Thực hiện chế độ ưu đãi trong giáo dục đào tạo đối với người có công với cách mạng và con của họ	x		4	1

1.3	Giải quyết chế độ trợ cấp thờ cúng liệt sĩ	x		4	1
1.4	Giải quyết trợ cấp tiền tuất hàng tháng cho thân nhân khi người có công với cách mạng từ trần	x		4	4
1.5	Hưởng mai táng phí, trợ cấp một lần khi người có công với cách mạng từ trần	x		4	17
1.6	Thực hiện, điều chỉnh, thôi, hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng	x		4	1
1.7	Trợ cấp mai táng phí đối với đối tượng hưởng trợ cấp theo Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg ngày 09 tháng 11 năm 2011 về chế độ, chính sách đối với đối tượng tham gia chiến tranh bảo vệ tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Căm-pu-chi-a, giúp bạn Lào sau ngày 30 tháng 4 năm 1975 đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc - Trường hợp chưa có giấy chứng tử	x		4	9
1.8	Trợ cấp mai táng phí đối với đối tượng thân nhân người trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước nhưng chưa được hưởng chính sách của Đảng, nhà nước theo Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg ngày 08/11/2005, Quyết định số 188/2007/QĐ-TTg ngày 06/12/2007 - Trường hợp có giấy chứng tử	x		4	2
1.9	Trợ giúp xã hội khẩn cấp về hỗ trợ chi phí mai táng	x		4	9
1.10	Hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội	x		4	2
1.11	Thực hiện chế độ ưu đãi trong giáo dục đào tạo đối với người có công với cách mạng và con của họ	x		4	1
1.12	Giải quyết chế độ trợ cấp thờ cúng liệt sĩ	x		4	1
1.13	Giải quyết trợ cấp tiền tuất hàng tháng cho thân nhân khi người có công với cách mạng từ trần	x		4	4
1.14	Hưởng mai táng phí, trợ cấp một lần khi người có công với cách mạng từ trần	x		4	17
1.15	Thực hiện, điều chỉnh, thôi, hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng	x		4	1
1.16	Trợ giúp xã hội khẩn cấp về hỗ trợ chi phí mai táng	x		4	9
V	UBND xã Bình Sơn				
1	Lĩnh vực Tư pháp – Hộ tịch				
1.1	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận		x	2	7
2	Lĩnh vực Lao động, Thương binh và Xã hội				
2.1	Thực hiện, điều chỉnh, thôi, hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng	x		3	2
2.2	Trợ cấp mai táng phí đối với đối tượng hưởng trợ cấp theo Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg ngày 09 tháng 11 năm 2011 về chế độ, chính sách đối với đối tượng tham gia chiến tranh bảo vệ tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Căm-pu-chi-a, giúp bạn Lào sau ngày 30 tháng 4 năm 1975 đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc - Trường hợp có giấy chứng tử	x		3	1
VI	UBND xã Bình Tân				

1	Lĩnh vực Tư pháp – Hộ tịch				
1.1	Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)		x	2	18
1.2	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận		x	2	90
1.3	Cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	x		4	92
1.4	Đăng ký lại kết hôn	x		4	2
1.5	Đăng ký khai sinh	x		4	42
1.6	Đăng ký lại khai sinh	x		4	21
1.7	Đăng ký khai tử	x		4	15
1.8	Đăng ký giám hộ.	x		4	1
1.9	Đăng ký nhận cha, mẹ, con	x		4	2
1.10	Cấp bản sao trích lục hộ tịch	x		4	99
1.11	Đăng ký kết hôn	x		4	22
1.12	Đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	x		4	8
2	Lĩnh vực Lao động, Thương binh và Xã hội				
2.1	Thực hiện, điều chỉnh, thôi, hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng	x		4	9
VII	UBND xã Bù Nho				
1	Lĩnh vực Tư pháp – Hộ tịch				
1.1	Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)		x	2	1
1.2	Cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	x		4	43
1.3	Đăng ký khai sinh	x		4	16
1.4	Đăng ký lại khai sinh	x		4	6
1.5	Đăng ký khai tử	x		4	6
1.6	Thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch.	x		4	2
1.7	Đăng ký kết hôn	x		4	7
2	Lĩnh vực Lao động, Thương binh và Xã hội				
2.1	Hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội	x			4
2.2	Xác định, xác định lại mức độ khuyết tật và cấp Giấy xác nhận khuyết tật.	x		4	5
2.3	Thực hiện chế độ ưu đãi trong giáo dục đào tạo đối với người có công với cách mạng và con của họ	x		4	1
2.4	Thực hiện, điều chỉnh, thôi, hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng	x		4	34
2.5	Trợ cấp mai táng phí đối với đối tượng hưởng trợ cấp theo Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg ngày 09 tháng 11 năm 2011 về chế độ, chính sách đối với đối tượng tham gia chiến tranh bảo vệ tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Căm-pu-chi-a, giúp bạn Lào sau ngày 30 tháng 4 năm 1975 đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc - Trường hợp chưa có giấy chứng tử	x		4	1

VIII	UBND xã Phú Riêng				
1	Lĩnh vực Tư pháp – Hộ tịch				
1.1	Cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	x		4	318
1.2	Đăng ký lại kết hôn	x		4	6
1.3	Đăng ký khai sinh	x		4	69
1.4	Đăng ký lại khai sinh	x		4	58
1.5	Đăng ký khai tử	x		4	34
1.6	Đăng ký lại khai tử	x		4	4
1.7	Đăng ký nhận cha, mẹ, con	x		4	4
1.8	Thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch.	x		4	6
1.9	Đăng ký kết hôn	x		4	46
1.10	Chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất và nhà ở.		x	2	6
2	Lĩnh vực Lao động, Thương binh và Xã hội				
2.1	Hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội	x		4	10
2.2	Xác định, xác định lại mức độ khuyết tật và cấp Giấy xác nhận khuyết tật.	x		4	4
2.3	Ủy quyền hưởng trợ cấp, phụ cấp ưu đãi.	x		4	3
2.4	Thực hiện chế độ ưu đãi trong giáo dục đào tạo đối với người có công với cách mạng và con của họ	x		4	2
2.5	Giải quyết chế độ trợ cấp thờ cúng liệt sĩ	x		4	1
2.6	Hưởng mai táng phí, trợ cấp một lần khi người có công với cách mạng từ trần	x		4	3
2.7	Thực hiện trợ cấp xã hội hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú giữa các quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh.	x		4	2
2.8	Thực hiện, điều chỉnh, thôi, hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng	x		4	36
2.9	Trợ cấp mai táng phí đối với đối tượng thân nhân người trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước nhưng chưa được hưởng chính sách của Đảng, nhà nước theo Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg ngày 08/11/2005, Quyết định số 188/2007/QĐ-TTg ngày 06/12/2007 - Trường hợp có giấy chứng tử	x		4	1
IX	UBND xã Phú Trung				
1	Lĩnh vực Tư pháp – Hộ tịch				
1.1	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận		x	2	68
1.2	Cấp bản sao từ sổ gốc		x	2	15
1.3	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận		x	2	10
1.4	Chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất và nhà ở.		x	2	4
1.5	Cấp bản sao trích lục hộ tịch		x	2	17
2	Lĩnh vực Lao động, Thương binh và Xã hội				
2.1	Giải quyết chế độ trợ cấp thờ cúng liệt sĩ	x		4	1

2.2	Thực hiện, điều chỉnh, thôi, hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng	x		4	1
2.3	Trợ cấp mai táng phí đối với đối tượng thân nhân người trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước nhưng chưa được hưởng chính sách của Đảng, nhà nước theo Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg ngày 08/11/2005, Quyết định số 188/2007/QĐ-TTg ngày 06/12/2007 - Trường hợp chưa có giấy chứng tử	x		4	2
X	UBND xã Phước Tân				
1	Lĩnh vực Tư pháp – Hộ tịch				
1.1	Cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	x		3	70
1.2	Đăng ký khai sinh	x		3	37
1.3	Đăng ký lại khai sinh	x		3	18
1.4	Đăng ký khai tử	x		3	25
1.5	Cấp bản sao trích lục hộ tịch	x		3	46
1.6	Đăng ký kết hôn	x		3	70
1.7	Cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	x		3	37
2	Lĩnh vực Lao động, Thương binh và Xã hội				
2.1	Xác nhận hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2016-2020 thuộc diện đối tượng được ngân sách nhà nước hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế.	X		3	40
2.2	Giải quyết chế độ trợ cấp thờ cúng liệt sĩ	X		3	2
2.3	Thực hiện, điều chỉnh, thôi, hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng	X		3	6

Ghi chú: Theo thống kê trên cổng dịch vụ công của tỉnh, tình hình giải quyết hồ sơ toàn huyện từ ngày 15/12/2021 đến ngày 15/5/2022 toàn huyện tiếp nhận và giải quyết được 3646 hồ sơ, trong đó giải quyết trực tuyến là 2747 hồ sơ, giải quyết trực tiếp 896 hồ sơ.





PHỤ LỤC II
TỶ LỆ HỒ SƠ XỬ LÝ TRỰC TUYẾN

Từ ngày 15/12/2021 đến ngày 14/3/2022

(Kèm theo Kế hoạch số: 181 /KH-UBND ngày 09/6/2022 của UBND huyện)

STT	Tên đơn vị	Dịch vụ công phát sinh hồ sơ		Tỷ lệ (%) xử lý trực tuyến
		Tổng số hồ sơ	Hồ sơ trực tuyến	
1	UBND xã Long Bình	23	1	4%
2	UBND xã Long Hưng	33	32	97%
3	UBND xã Long Hà	27	27	100%
4	UBND xã Long Tân	23	19	83%
5	UBND xã Bình Sơn	9	2	22%
6	UBND xã Bình Tân	231	159	69%
7	UBND xã Bù Nho	65	54	83%
8	UBND xã Phú Riềng	261	256	98%
9	UBND xã Phú Trung	21	3	14%
10	UBND xã Phước Tân	144	144	100
Tổng cộng		837	697	83%

—12



PHỤ LỤC III

TÌNH HÌNH KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT TTHC THEO SỐ LIỆU BÁO CÁO VÀ CHÊNH LỆCH 15/12/2021-14/3/2022

(Kèm theo Kế hoạch số: **134** /KH-UBND ngày **09/6/2022** của UBND huyện)

STT	Tên đơn vị	Số liệu được nhập trên hệ thống báo cáo: baocaochinhphu.gov.vn	Số liệu trên hệ thống dichvucong.binhphuoc.gov.vn	Số liệu chênh lệch	Số liệu chứng thực điện tử
1	UBND xã Long Bình	923	23	900	0
2	UBND xã Long Hưng	1041	33	1008	62
3	UBND xã Long Hà	1190	27	1163	0
4	UBND xã Long Tân	748	23	725	0
5	UBND xã Bình Sơn	307	9	298	28
6	UBND xã Bình Tân	230	231	-1	2
7	UBND xã Bù Nho	2018	65	1953	0
8	UBND xã Phú Riềng	743	281	462	251
9	UBND xã Phú Trung	239	21	218	43
10	UBND xã Phước Tân	144	144	0	2
	Tổng cấp xã	7637	857	6780	388

Handwritten signature

**TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT TTHC TẠI
CƠ QUAN, ĐƠN VỊ TRỰC TIẾP GIẢI QUYẾT TTHC**

(Từ ngày 15 tháng 12 năm 2021 đến ngày 14 tháng 3 năm 2022)
(Kèm theo Kế hoạch số: ~~131~~ /KH-UBND ngày 09/6/2022 của UBND huyện)

STT	Lĩnh vực, công việc giải quyết theo cấp	Số hồ sơ nhận giải quyết				Kết quả giải quyết						Số hồ sơ giải quyết theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông			
		Tổng số	Trong đó			Số hồ sơ đã giải quyết			Số hồ sơ đang giải			Tổng số	Đã giải quyết		Đang giải quyết
			Số mới tiếp nhận trực tuyến	Số kỳ trước chuyển qua	số mới tiếp nhận	Tổng số	Trả đúng thời hạn	Trả quá hạn	Tổng số	Chưa đến hạn	Quá hạn		Đúng thời hạn	Quá hạn	
I	Cấp huyện	1252	495	677	0	994	965	29	258	258	0	0	0	0	0
1	Lĩnh vực Tư pháp	43	43	0	0	43	43	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo	80	0	0	0	80	80	0	0	0	0	0	0	0	0
3	Lĩnh vực Tài nguyên và Môi trường	546	0	546	0	288	259	29	258	258	0	0	0	0	0
4	Lĩnh vực Lao động, TB&XH	66	0	66	0	66	66	0	0	0	0	0	0	0	0
5	Lĩnh vực Tài chính - Kế hoạch	449	449	0	0	449	449	0	0	0	0	0	0	0	0
6	Lĩnh vực Văn hóa và Thông tin	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
7	Lĩnh vực Nông nghiệp và PTNT	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
8	Lĩnh vực Kinh tế - Hạ tầng	3	3	0	0	3	3	0	0	0	0	0	0	0	0
9	Lĩnh vực Nội vụ	65	0	65	0	65	65	0	0	0	0	0	0	0	0
10	Lĩnh vực Y tế	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
11	Lĩnh vực Thanh tra	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
II	Cấp xã	7584	697	42	6627	7543	6799	19	40	40	0	856	797	19	40
1	UBND Xã Long Bình	923	1	7	915	920	906	14	3	3	0	23	6	14	3
2	UBND Xã Long Hưng	1041	32	1	1008	1039	1039	0	1	1	0	32	31	0	1
3	UBND Xã Long Hà	1190	27	0	1163	1181	1181	0	9	9	0	27	18	0	9
4	UBND Xã Long Tân	748	19	4	725	748	319	2	0	0	0	23	21	2	0

5	UBND Xã Bình Sơn	307	2	0	305	305	7	0	2	2	0	9	7	0	2
6	UBND Xã Bình Tân	231	159	0	72	226	226	0	5	5	0	231	226	0	5
7	UBND Xã Bù Nho	2018	54	10	1954	2018	2017	1	0	0	0	65	64	1	0
8	UBND Xã Phú Riềng	743	256	20	467	726	724	2	17	17	0	281	262	2	17
9	UBND Xã Phú Trung	239	3	0	18	239	239	0	0	0	0	21	21	0	0
10	UBND Xã Phước Tân	144	144	0	0	141	141	0	3	3	0	144	141	0	3
Tổng số:		8836	1192	719	6627	8537	7764	48	298	298	0	856	797	19	40

2

